

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Khả Hân	10A1	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					0.00	0.00	1

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Nguyễn Phạm Tuấn Anh	10A2	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
2	Võ Hoài Bảo	10A2	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
3	Phạm Nguyễn Minh Hiền	10A2	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
4	Lê Thị Ngọc Liên	10A2	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
5	Lê Nguyễn Thanh Ngân	10A2	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
6	Nguyễn Khánh Như	10A2	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
7	Võ Mai Thảo	10A2	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
8	Vũ Huỳnh Thu Thảo	10A2	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
9	Trương Hải Yến	10A2	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-4.00	-4.00	9

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Anh	10A3	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
2	Võ Nguyễn Gia Huy	10A3	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
3	Ngô Nguyễn Duy Khôi	10A3	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
4	Ngô Nguyễn Duy Khôi	10A3	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
5	Trần Nguyễn Tiến Khôi	10A3	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
6	Nguyễn Đào Thu Linh	10A3	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
7	Lê Lâm Tâm Như	10A3	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
8	Nguyễn Ngọc Anh Thư	10A3	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
9	Nguyễn Thị Thanh Trúc	10A3	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-4.00	-4.00	9

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Lâm Tú Anh	10A4	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
2	Lưu Bùi Quang Đại	10A4	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
3	Lưu Bùi Quang Đại	10A4	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
4	Lưu Bùi Quang Đại	10A4	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	04/01/2024	-4.00	-4.00	
5	Lưu Bùi Quang Đại	10A4	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
6	Lưu Bùi Quang Đại	10A4	Không chấp hành kỷ luật	02/01/2024	-4.00	-4.00	
7	Vũ Thành Đạt	10A4	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
8	Đào Duy Khang	10A4	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
9	Lai Anh Kiệt	10A4	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	04/01/2024	-4.00	-4.00	
10	Đặng Huỳnh Lê	10A4	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
11	Trần Kim Triệu My	10A4	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
12	Trần Kim Triệu My	10A4	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
13	Nguyễn Thị Tú Nguyên	10A4	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
14	Nguyễn Bá Phúc	10A4	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
Tổng:					-20.00	-20.00	14

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TĐ	Ghi chú
1	Nguyễn Hưng	10A5	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
2	Nguyễn Lâm Quốc Khánh	10A5	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
3	Phan Thị Mỹ Linh	10A5	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
4	Tiêu Việt Nhựt	10A5	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
5	Trương Phú Đại Phát	10A5	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
6	Trương Phú Đại Phát	10A5	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
7	Lâm Minh Thư	10A5	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-10.00	-10.00	7

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Nguyễn Phạm Như Anh	10A6	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
2	Nguyễn Phạm Như Anh	10A6	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
3	Nguyễn Ngọc Đào	10A6	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
4	Nguyễn Ngọc Đào	10A6	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	29/12/2023	-4.00	-4.00	
5	Nguyễn Ngọc Đào	10A6	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
6	Nguyễn Ngọc Đào	10A6	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
7	Phạm Nguyễn Thanh Hà	10A6	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
8	Lâm Anh Kiệt	10A6	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
9	Lâm Anh Kiệt	10A6	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
10	Lâm Anh Kiệt	10A6	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
11	Lâm Anh Kiệt	10A6	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
12	Lâm Anh Kiệt	10A6	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
13	Lê Ngọc Bảo Kim	10A6	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
14	Nguyễn Trần Nhật Linh	10A6	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
15	Nguyễn Trần Nhật Linh	10A6	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
16	Nguyễn Trí Minh	10A6	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
17	Trần Ngọc Yến Nhi	10A6	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
18	Trần Ngọc Yến Nhi	10A6	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
19	Lý Minh Nhựt	10A6	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
20	Lý Minh Nhựt	10A6	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
21	Lý Minh Nhựt	10A6	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	04/01/2024	-4.00	-4.00	
22	Lý Minh Nhựt	10A6	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
23	Lý Minh Nhựt	10A6	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
24	Lý Minh Nhựt	10A6	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
25	Mai Thùy Tiên	10A6	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
26	Nguyễn Ngọc Hoài Trang	10A6	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
27	Nguyễn Đức Trung	10A6	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
28	Nguyễn Đức Trung	10A6	Không chấp hành kỷ luật	02/01/2024	-4.00	-4.00	
29	Trần Kim Minh Tuấn	10A6	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
30	Trần Kim Minh Tuấn	10A6	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
Tổng:					-86.00	-86.00	30

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TB	Ghi chú
1	Phạm Kim Anh	10A7	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
2	Nguyễn Ngọc Hương	10A7	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
3	Nguyễn Hoàng Lam	10A7	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
4	Nguyễn Ánh Ngọc	10A7	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
5	Nguyễn Ánh Ngọc	10A7	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
6	Võ Yến Nhi	10A7	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
Tổng:					-10.00	-10.00	6

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Hồ Quang Minh	10A8	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
2	Hồ Quang Minh	10A8	Quần áo không đúng quy định	03/01/2024	-2.00	-2.00	
3	Nguyễn Trần Ngọc Nhi	10A8	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
4	Nguyễn Trần Ngọc Nhi	10A8	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-2.00	-2.00	4

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Huỳnh Bảo Khang	10A9	Hút thuốc lá	03/01/2024	-15.00	-15.00	
2	Trần Nguyễn Đăng Khoa	10A9	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
3	Nguyễn Hoàng Sơn	10A9	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
Tổng:					-17.00	-17.00	3

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thùy Dương	10A10	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
2	Đỗ Lê Thị Ngọc Hân	10A10	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
3	Cao Nguyễn Đăng Khoa	10A10	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
4	Trương Hữu Lai	10A10	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
5	Trương Hoài Phú	10A10	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
6	Nguyễn Hoài Thương	10A10	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
7	Lê Hữu Quốc Tuấn	10A10	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-2.00	-2.00	7

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TĐ	Ghi chú
1	Lê Thị Phụng Hằng	10A11	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
2	Nguyễn Ngọc Đăng Khoa	10A11	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
3	Phạm Thị Trà My	10A11	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
4	Phạm Thị Trà My	10A11	Sử dụng điện thoại trong giờ học	03/01/2024	-4.00	-4.00	
5	Tạ Bảo Ngọc	10A11	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
6	Tạ Bảo Ngọc	10A11	Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác	04/01/2024	-4.00	-4.00	
7	Phạm Tài Phát	10A11	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
8	Phạm Tài Phát	10A11	Hút thuốc lá	03/01/2024	-15.00	-15.00	
9	Châu Gia Phú	10A11	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
10	Nguyễn Lâm Cẩm Tiên	10A11	Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác	04/01/2024	-4.00	-4.00	
11	Nguyễn Tấn Trung	10A11	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
12	Huỳnh Tiểu Vy	10A11	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-35.00	-35.00	12

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng An	10A12	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
2	Nguyễn Quốc Hội	10A12	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
3	Phạm Hoàng Xuân Mai	10A12	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
4	Nguyễn Huy Nghĩa	10A12	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	04/01/2024	-4.00	-4.00	
5	Nguyễn Minh Nhựt	10A12	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
6	Nguyễn Minh Nhựt	10A12	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
7	Nguyễn Phạm Minh Phú	10A12	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
8	Nguyễn Phạm Minh Phú	10A12	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
9	Lê Trí Tài	10A12	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
10	Lê Nguyễn Minh Thư	10A12	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
11	Lê Nguyễn Minh Thư	10A12	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
12	Lê Nguyễn Minh Thư	10A12	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
13	Lê Nguyễn Minh Thư	10A12	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-26.00	-26.00	13

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Tôn Nguyễn Khánh Đông	10A13	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
2	Nguyễn Ngọc Trúc Quỳnh	10A13	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
3	Đinh Công Tuấn	10A13	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
4	Đinh Công Tuấn	10A13	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
5	Trần Thị Tường Vy	10A13	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
Tổng:					-8.00	-8.00	5

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Hồ Kỳ Anh	10A14	Quần áo không đúng quy định	04/01/2024	-2.00	-2.00	
2	Nguyễn Thị Thanh Dương	10A14	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
3	Phan Trung Hiếu	10A14	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
4	Đặng Thanh Hoàng	10A14	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
5	Lê Nguyễn Huỳnh Hương	10A14	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
6	Phan Gia Kiệt	10A14	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
7	Phan Gia Kiệt	10A14	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
8	Nguyễn Phi Long	10A14	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
9	Hồng Kim Ngân	10A14	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
10	Huỳnh Trần Diễm Phúc	10A14	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
11	Huỳnh Trần Diễm Phúc	10A14	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
12	Võ Thị Anh Thơ	10A14	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
13	Phạm Đức Tiệp	10A14	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
14	Vũ Đình Triết	10A14	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
15	Vũ Đình Triết	10A14	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
16	Phạm Huỳnh Cẩm Tú	10A14	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
17	Đào Ngọc Quang Vinh	10A14	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-8.00	-8.00	17

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Lê Huy Du	11A1	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
2	Lê Thị Hồng Đào	11A1	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	04/01/2024	-4.00	-4.00	
3	Lê Thị Hồng Đào	11A1	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	04/01/2024	-4.00	-4.00	
4	Nguyễn Trung Đoàn	11A1	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
5	Nguyễn Thanh Hương	11A1	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
6	Bùi Tuyết Nhi	11A1	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	04/01/2024	-4.00	-4.00	
7	Bùi Tuyết Nhi	11A1	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
8	Huỳnh Minh Quân	11A1	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
9	Chu Trần An Thư	11A1	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
Tổng:					-18.00	-18.00	9

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Phạm An An	11A2	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
2	Dương Ngọc Ánh	11A2	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
3	Dương Ngọc Ánh	11A2	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
4	Nguyễn Thị Khánh Đào	11A2	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
5	Hoàng Thành Đạt	11A2	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
6	Phan Nguyễn Duy Khang	11A2	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
7	Bùi Nhã Linh	11A2	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
8	Bùi Nhã Linh	11A2	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
9	Lê Quốc Minh	11A2	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
10	Nguyễn Trọng Nghĩa	11A2	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
11	Trần Thị Ngọc Nhi	11A2	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
12	Võ Yến Nhi	11A2	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	29/12/2023	-4.00	-4.00	
13	Võ Yến Nhi	11A2	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
14	Võ Yến Nhi	11A2	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
15	Đặng Nguyễn Quỳnh	11A2	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
16	Nguyễn Tấn Tài	11A2	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
17	Nguyễn Tấn Tài	11A2	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
18	Nguyễn Tấn Tài	11A2	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
19	Lê Thị Hồng Thơ	11A2	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
20	Bùi Thị Thùy Trang	11A2	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	29/12/2023	-4.00	-4.00	
21	Hồ Quân Tường	11A2	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
22	Hồ Quân Tường	11A2	Quần áo không đúng quy định	03/01/2024	-2.00	-2.00	
Tổng:					-34.00	-34.00	22

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Phạm Vũ Anh	11A3	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
2	Lâm Quốc Bảo	11A3	Cúp tiết	29/12/2023	-4.00	-4.00	
3	Lâm Quốc Bảo	11A3	Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác	03/01/2024	-4.00	-4.00	
4	Nguyễn Thị Thùy Dương	11A3	Quần áo không đúng quy định	03/01/2024	-2.00	-2.00	
5	Nguyễn Thị Trúc Đào	11A3	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
6	Nguyễn Thị Trúc Đào	11A3	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
7	Nguyễn Thị Trúc Đào	11A3	Quần áo không đúng quy định	03/01/2024	-2.00	-2.00	
8	Bạch Hải Đăng	11A3	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	29/12/2023	-4.00	-4.00	
9	Nguyễn Thị Hương Giang	11A3	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
10	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giang	11A3	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
11	Lê Trương Đức Hoàng	11A3	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
12	Lê Trương Đức Hoàng	11A3	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
13	Lê Trương Đức Hoàng	11A3	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
14	Lê Trương Đức Hoàng	11A3	Cúp tiết	29/12/2023	-4.00	-4.00	
15	Lê Trương Đức Hoàng	11A3	Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác	03/01/2024	-4.00	-4.00	
16	Lê Trương Đức Hoàng	11A3	Quần áo không đúng quy định	03/01/2024	-2.00	-2.00	
17	Nguyễn Dương Ngọc Khánh	11A3	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
18	Võ Ngọc Bích Nga	11A3	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
19	Nguyễn Đỗ Ngọc Ngân	11A3	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
20	Nguyễn Đỗ Ngọc Ngân	11A3	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
21	Nguyễn Ngọc Khánh Nguyên	11A3	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
22	Trần Thị Cẩm Nhung	11A3	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
23	Trần Thị Cẩm Nhung	11A3	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
24	Trần Thị Cẩm Nhung	11A3	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
25	Ngân Thị Oanh	11A3	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
26	Lê Gia Phát	11A3	Cúp tiết	29/12/2023	-4.00	-4.00	
27	Lê Gia Phát	11A3	Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác	03/01/2024	-4.00	-4.00	
28	Bùi Nhật Thanh	11A3	Cúp tiết	29/12/2023	-4.00	-4.00	
29	Bùi Nhật Thanh	11A3	Cúp tiết	29/12/2023	-4.00	-4.00	
30	Nguyễn Hoàng Minh Thông	11A3	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
31	Nguyễn Hoàng Minh Thông	11A3	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	04/01/2024	-4.00	-4.00	
32	Nguyễn Hoàng Minh Thông	11A3	Cúp tiết	29/12/2023	-4.00	-4.00	
33	Nguyễn Hoàng Minh Thông	11A3	Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác	03/01/2024	-4.00	-4.00	
34	Trần Ngọc Thùy Trúc	11A3	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
35	Võ Nguyễn Phương Uyên	11A3	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
36	Lê Đặng Ngọc Vy	11A3	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
Tổng:					-94.00	-94.00	36

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TB	Ghi chú
1	Bùi Hoàng Anh	11A4	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
2	Nguyễn Ngọc Lan Anh	11A4	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
3	Đinh Thị Phương Anh	11A4	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
4	Huỳnh Ngọc Mỹ Duyên	11A4	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
5	Huỳnh Ngọc Mỹ Duyên	11A4	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
6	Nguyễn Thành Đạt	11A4	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
7	Nguyễn Thành Đạt	11A4	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	29/12/2023	-4.00	-4.00	
8	Nguyễn Thành Đạt	11A4	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
9	Trần Hải Đăng	11A4	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
10	Võ Trần Anh Khoa	11A4	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
11	Võ Trần Anh Khoa	11A4	Sử dụng điện thoại trong giờ học	02/01/2024	-4.00	-4.00	
12	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	11A4	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
13	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	11A4	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
14	Phạm Đình Ngọc Linh	11A4	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
15	Phan Uyển Trúc Linh	11A4	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
16	Phan Uyển Trúc Linh	11A4	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
17	Nguyễn Hữu Lộc	11A4	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
18	Lý Kim Ngân	11A4	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
19	Lý Kim Ngân	11A4	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
20	Lý Kim Ngân	11A4	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
21	Huỳnh Bảo Nghi	11A4	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
22	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	11A4	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	04/01/2024	-4.00	-4.00	
23	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	11A4	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
24	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	11A4	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
25	Hoàng Quốc Thái	11A4	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
26	Võ Huỳnh Anh Thi	11A4	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
27	Nguyễn Thị Thi Thi	11A4	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
28	Nguyễn Phạm Như Thùy	11A4	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
29	Lê Nguyễn Minh Thư	11A4	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
30	Nguyễn Trọng Tính	11A4	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
31	Nguyễn Trọng Tính	11A4	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
32	Phạm Viết Trường	11A4	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
33	Huỳnh Thị Ngọc Vân	11A4	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-24.00	-24.00	33

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Phan Thị Thanh Hằng	11A5	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
2	Nguyễn Thị Bích Ngọc	11A5	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
3	Nguyễn Thị Bích Ngọc	11A5	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
4	Hồ Thị Hồng Ngọc	11A5	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
5	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	11A5	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
6	Võ Nguyễn Thanh Sang	11A5	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
7	Nguyễn Thị Thu Trúc	11A5	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
Tổng:					-14.00	-14.00	7

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TĐ	Ghi chú
1	Nguyễn Hoài Phương Anh	11A6	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
2	Bùi Thị Đào	11A6	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
3	Huỳnh Minh Huy	11A6	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
4	Vũ Ngọc Lan Phương	11A6	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
5	Lê Trần Quỳnh Trân	11A6	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-6.00	-6.00	5

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Võ Thiên An	11A7	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
2	Nguyễn Thanh Bảo	11A7	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
3	Lê Anh Đoàn	11A7	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
4	Lê Anh Đoàn	11A7	Hút thuốc lá	03/01/2024	-15.00	-15.00	
5	Nguyễn Trường Giang	11A7	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
6	Lê Thị Hồng Hoa	11A7	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
7	Phạm Minh Huy	11A7	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
8	Phạm Minh Huy	11A7	Hút thuốc lá	03/01/2024	-15.00	-15.00	
9	Lê Thanh Ngân	11A7	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
10	Lê Thanh Ngân	11A7	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
11	Nguyễn Hồng Ngọc	11A7	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
12	Nguyễn Thành Nhân	11A7	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
13	Nguyễn Thị Ngọc Quý	11A7	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
14	Dương Kim Tấn	11A7	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
15	Huỳnh Sơn Trà	11A7	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
16	Nguyễn Thanh Tuấn	11A7	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
17	Ngô Quang Vinh	11A7	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
Tổng:					-38.00	-38.00	17

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TB	Ghi chú
1	Đào Nhật Anh	11A8	Không chấp hành kỷ luật	02/01/2024	-4.00	-4.00	
2	Đào Nhật Anh	11A8	Giày dép	02/01/2024	-2.00	-2.00	
3	Đinh Nguyễn Thành Đạt	11A8	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
4	Trần Nguyên Hạo	11A8	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
5	Huỳnh Gia Huy	11A8	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
6	Huỳnh Tấn Khang	11A8	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
7	Huỳnh Tấn Khang	11A8	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
8	Võ Nguyễn Đăng Khoa	11A8	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
9	Đoàn Hùng Gia Kiệt	11A8	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
10	Đoàn Hùng Gia Kiệt	11A8	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
11	Lê Nguyễn Thảo Ly	11A8	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
12	Tô Hà Bảo Ngọc	11A8	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
13	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	11A8	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
14	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	11A8	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
15	Phan Lê Công Tâm	11A8	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
16	Nguyễn Thúy Vy	11A8	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
17	Nguyễn Thúy Vy	11A8	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-10.00	-10.00	17

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TB	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thúy An	11A9	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
2	Nguyễn Ngọc Kim Cương	11A9	Cúp tiết	04/01/2024	-4.00	-4.00	
3	Lê Thị Thảo Hiền	11A9	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
4	Bùi Quang Huy	11A9	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
5	Nguyễn Phan Gia Hưng	11A9	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
6	Nguyễn Thị Thu Mai	11A9	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
7	Nguyễn Thị Thu Mai	11A9	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
8	Nguyễn Thị Thu Mai	11A9	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
9	Nguyễn Thụy Ngọc Mẫn	11A9	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
10	Nguyễn Thụy Ngọc Mẫn	11A9	Cúp tiết	04/01/2024	-4.00	-4.00	
11	Nguyễn Thị Cẩm My	11A9	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
12	Nguyễn Thị Cẩm My	11A9	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
13	Nguyễn Kim Ngân	11A9	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
14	Nguyễn Phúc Bảo Ngọc	11A9	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
15	Tô Tuyết Nhi	11A9	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
16	Nguyễn Duy Tài	11A9	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
17	Nguyễn Duy Tài	11A9	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
18	Nguyễn Duy Tài	11A9	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
19	Nguyễn Lê Chí Thành	11A9	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
20	Nguyễn Lê Chí Thành	11A9	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
21	Nguyễn Lê Chí Thành	11A9	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
22	Nguyễn Lê Chí Thành	11A9	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
23	Bùi Đặng Thanh Thảo	11A9	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
24	Bùi Đặng Thanh Thảo	11A9	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
25	Bùi Đặng Thanh Thảo	11A9	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
26	Nguyễn Thị Thanh Thảo	11A9	Cúp tiết	04/01/2024	-4.00	-4.00	
27	Trần Lê Quốc Thắng	11A9	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
28	Trần Phúc Thịnh	11A9	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
29	Trần Phúc Thịnh	11A9	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
30	Hà Thanh Toàn	11A9	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
31	Phạm Ngọc Thùy Trang	11A9	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
32	Nguyễn Phú Vinh	11A9	Giày dép	04/01/2024	-2.00	-2.00	
Tổng:					-50.00	-50.00	32

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Trần Thị Thu Hằng	11A10	Mang nước, đồ ăn lên lớp	02/01/2024	-2.00	-2.00	
2	Nguyễn Diệu Hiền	11A10	Mang nước, đồ ăn lên lớp	02/01/2024	-2.00	-2.00	
3	Lê Phong Thanh Hoài	11A10	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
4	Nguyễn Ngọc Trúc Lam	11A10	Mang nước, đồ ăn lên lớp	02/01/2024	-2.00	-2.00	
5	Trần Nguyễn Thành Long	11A10	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
6	Phan Văn Long	11A10	Không Phù hiệu	05/01/2024	-2.00	-2.00	
7	Phan Văn Long	11A10	Mang nước, đồ ăn lên lớp	02/01/2024	-2.00	-2.00	
8	Lê Chung Nhân	11A10	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
9	Nguyễn Hoàng Nhật Thanh	11A10	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
10	Hoàng Viết Thành	11A10	Mang nước, đồ ăn lên lớp	02/01/2024	-2.00	-2.00	
11	Trần Thị Cẩm Tiên	11A10	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
12	Trần Thị Cẩm Tiên	11A10	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
13	Võ Thị Mỹ Tiên	11A10	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
14	Võ Thị Mỹ Tiên	11A10	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
15	Võ Thị Mỹ Tiên	11A10	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
16	Nguyễn Đức Minh Trí	11A10	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
17	Nguyễn Đức Minh Trí	11A10	Chửi thề	05/01/2024	-2.00	-2.00	
18	Nguyễn Phạm Thanh Tùng	11A10	Mang nước, đồ ăn lên lớp	02/01/2024	-2.00	-2.00	
19	Trần Lê Vinh	11A10	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
20	Trần Lê Vinh	11A10	Chửi thề	05/01/2024	-2.00	-2.00	
Tổng:					-48.00	-48.00	20

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Nguyễn Khánh Băng	11A11	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
2	Nguyễn Hoàng Trúc Linh	11A11	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
3	Huỳnh Thị Thu Ngân	11A11	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
4	Huỳnh Thị Thu Ngân	11A11	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
5	Nguyễn Thanh Ngọc	11A11	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
6	Huỳnh Anh Thư	11A11	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
7	Huỳnh Anh Thư	11A11	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	29/12/2023	-4.00	-4.00	
8	Huỳnh Anh Thư	11A11	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
9	Vũ Nguyễn Minh Thư	11A11	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
10	Võ Thị Thanh Tiên	11A11	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
11	Võ Thị Thanh Tiên	11A11	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
12	Tổng Minh Vy	11A11	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
13	Nguyễn Ngọc Như Ý	11A11	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
Tổng:					-16.00	-16.00	13

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Trung Nguyên	11A12	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
2	Ngô Triều Nhan	11A12	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
3	Nguyễn Quỳnh Bảo Nhi	11A12	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
4	Hoàng Minh Quân	11A12	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
5	Lê Khánh Quỳnh	11A12	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
6	Lê Khánh Quỳnh	11A12	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-20.00	-20.00	6

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Lưu Đăng Huy	11A13	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	29/12/2023	-4.00	-4.00	
2	Võ Khánh Hưng	11A13	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
3	Đỗ Mạnh Khải	11A13	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
4	Nguyễn Lập Đăng Khoa	11A13	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
5	Lâm Thị Như Ngọc	11A13	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
6	Nguyễn Hoài Thảo Nguyên	11A13	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
7	Trần Thanh Phát	11A13	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
8	Trần Châu Minh Tú	11A13	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-4.00	-4.00	8

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TĐ	Ghi chú
1	Nguyễn Vũ Xuân Anh	12A1	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
2	Đinh Trung Hiếu	12A1	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
3	Phạm Thị Ngọc Hương	12A1	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	29/12/2023	-4.00	-4.00	
4	Phạm Thị Ngọc Hương	12A1	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
5	Phạm Thái Khang	12A1	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
6	Nguyễn Thu Ngân	12A1	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
7	Châu Minh Sang	12A1	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
8	Nguyễn Thị Anh Thư	12A1	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
9	Lý Phan Minh Thương	12A1	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
Tổng:					-14.00	-14.00	9

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Trần Nam An	12A2	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
2	Nguyễn Quốc An	12A2	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
3	Nguyễn Quốc An	12A2	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
4	Nguyễn Quốc Bảo	12A2	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
5	Nguyễn Quốc Bảo	12A2	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
6	Lê Quốc Đường	12A2	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
7	Trần Ngọc Hân	12A2	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
8	Vũ Nam Khánh	12A2	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
9	Mai Hữu Minh	12A2	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
10	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12A2	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
11	Nguyễn Thị Nguyên Ngọc	12A2	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
12	Nguyễn Thị Nguyên Ngọc	12A2	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
13	Nguyễn Hữu Vũ Quang	12A2	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
14	Trần Minh Tâm	12A2	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
15	Trần Minh Tâm	12A2	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
16	Nguyễn Ngọc Thanh	12A2	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
17	Nguyễn Ngọc Thanh Thùy	12A2	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
18	Lê Hữu Trọng	12A2	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
19	Huỳnh Phúc Trọng	12A2	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
20	Phan Thành Việt	12A2	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
Tổng:					-28.00	-28.00	20

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Bùi Thái Duy Anh	12A3	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
2	Lê Võ Minh Anh	12A3	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
3	Trương Ngọc Diễm Hằng	12A3	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
4	Huỳnh Thạch Lâm Huy	12A3	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
5	Nguyễn Vũ Tuấn Khôi	12A3	Áo ngoài quần	05/01/2024	-2.00	-2.00	
6	Nguyễn Phú Quý	12A3	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
7	Nguyễn Thị Tiến Thanh	12A3	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
8	Nguyễn Trung Trực	12A3	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
9	Nguyễn Trung Trực	12A3	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
10	Nguyễn Băng Tuyền	12A3	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-8.00	-8.00	10

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Hóa	12A4	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
2	Nguyễn Thanh Hóa	12A4	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
3	Bùi Cao Đăng Khôi	12A4	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
4	Đào Duy Minh	12A4	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
5	Văn Ngọc Như Ý	12A4	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-4.00	-4.00	5

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Minh Anh	12A5	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
2	Phạm Quốc Cường	12A5	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
3	Nguyễn Lê Minh Kiệt	12A5	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
4	Tạ Bảo Ngân	12A5	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
5	Tạ Bảo Ngân	12A5	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
6	Lê Thị Kim Ngân	12A5	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	04/01/2024	-4.00	-4.00	
7	Nguyễn Quỳnh Như	12A5	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
8	Nguyễn Hoàng Sơn	12A5	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
9	Nguyễn Hoàng Sơn	12A5	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
10	Lý Thị Thu Thảo	12A5	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
11	Ngô Thị Lệ Trang	12A5	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	04/01/2024	-4.00	-4.00	
12	Phạm Thị Thanh Trúc	12A5	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
13	Nguyễn Hoàng Tú	12A5	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
14	Nguyễn Ngọc Gia Tuệ	12A5	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
Tổng:					-28.00	-28.00	14

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Nguyễn Bùi Quế Châu	12A6	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
2	Nguyễn Huyền Diệu	12A6	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
3	Bùi Trần Dũng	12A6	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
4	Hồ Nhật Huy	12A6	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
5	Nguyễn Duy Khánh	12A6	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
6	Bùi Thị Cẩm Ly	12A6	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
7	Bùi Thị Cẩm Ly	12A6	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
8	Trần Ngọc Giáng Mi	12A6	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
9	Trần Ngọc Giáng Mi	12A6	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
10	Phạm Đông Nhật Nam	12A6	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
11	Phạm Đông Nhật Nam	12A6	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
12	Nguyễn Minh Nhi	12A6	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
13	Nguyễn Tuyết Nhung	12A6	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
14	Nguyễn Thị Như Phúc	12A6	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
15	Lương Trang Thảo	12A6	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
16	Lương Trang Thảo	12A6	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
17	Lê Huỳnh Minh Thư	12A6	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
18	Nguyễn Lê Thanh Vy	12A6	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
Tổng:					-14.00	-14.00	18

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Phạm Trọng Duy	12A7	Giày dép	02/01/2024	-2.00	-2.00	
2	Võ Duy Hải	12A7	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
3	Nguyễn Minh Hưng	12A7	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
4	Trần Minh Khoa	12A7	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
5	Trần Minh Khoa	12A7	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
6	Liêu Trần Phương Nghi	12A7	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
7	Nguyễn Phan Hoàng Phát	12A7	Giày dép	02/01/2024	-2.00	-2.00	
8	Trần Tấn Phát	12A7	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
9	Trần Tấn Phát	12A7	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
10	Nguyễn Hải Hoài Phương	12A7	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
11	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	12A7	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
12	Huỳnh Ngọc Sang	12A7	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
13	Trần Thu Thủy	12A7	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	29/12/2023	-4.00	-4.00	
14	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	12A7	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
15	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	12A7	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
16	Huỳnh Thị Thanh Uyên	12A7	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
Tổng:					-28.00	-28.00	16

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Trần Văn Anh	12A8	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
2	Lê Hoàng Đô	12A8	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
3	Nguyễn Hà Trúc Huỳnh	12A8	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
4	Nguyễn Hoàng Lâm	12A8	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
5	Bùi Lâm Gia Mẫn	12A8	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
6	Nguyễn Thị Yến Nhi	12A8	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
7	Trần Nhã Phương	12A8	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
8	Phạm Trương Phúc Thọ	12A8	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
9	Nhâm Thành Tiến	12A8	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
10	Nhâm Thành Tiến	12A8	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
11	Lê Thanh Trúc	12A8	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
12	Lê Thanh Trúc	12A8	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
13	Lê Thực Bảo Gia Uyên	12A8	Quần áo không đúng quy định	04/01/2024	-2.00	-2.00	
Tổng:					-22.00	-22.00	13

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Lê Hoàng Bảo	12A9	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
2	Trần Thị Ngọc Châu	12A9	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
3	Trần Thị Ngọc Châu	12A9	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
4	Trịnh Mai Hoa	12A9	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
5	Nguyễn Mai Bảo Kha	12A9	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
6	Danh Thị Khánh Linh	12A9	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
7	Nguyễn Thị Quyền Như	12A9	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	04/01/2024	-4.00	-4.00	
8	Lê Hồ Gia Phú	12A9	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
9	Trần Minh Thành	12A9	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
Tổng:					-4.00	-4.00	9

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TB	Ghi chú
1	Võ Văn Anh	12A10	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
2	Võ Văn Anh	12A10	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
3	Võ Văn Anh	12A10	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	29/12/2023	-4.00	-4.00	
4	Phan Chi Dung	12A10	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
5	Vũ Thị Ánh Hồng	12A10	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	29/12/2023	-4.00	-4.00	
6	Vũ Thị Ánh Hồng	12A10	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
7	Nguyễn Thị Bảo Khánh	12A10	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
8	Nguyễn Thị Bảo Khánh	12A10	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
9	Nguyễn Thị Bảo Khánh	12A10	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
10	Nguyễn Thị Bảo Khánh	12A10	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
11	Hứa Nguyễn Anh Khoa	12A10	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
12	Lê Thị Bích Liễu	12A10	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
13	Lê Thị Bích Liễu	12A10	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
14	Lê Thị Bích Liễu	12A10	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	29/12/2023	-4.00	-4.00	
15	Lê Thị Bích Liễu	12A10	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	03/01/2024	-4.00	-4.00	
16	Nguyễn Trọng Nam	12A10	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
17	Nguyễn Trọng Nam	12A10	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	02/01/2024	-4.00	-4.00	
18	Trần Thị Kim Ngọc	12A10	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
19	Nguyễn Minh Phúc	12A10	Đi học trễ	04/01/2024	-2.00	-2.00	
20	Nguyễn Kiều Tiên	12A10	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
21	Nguyễn Trần Thủy Tiên	12A10	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
22	Nguyễn Trần Thủy Tiên	12A10	Vắng có phép	04/01/2024	0.00	0.00	
23	Nguyễn Bảo Trâm	12A10	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
24	Huỳnh Ngọc Cẩm Vy	12A10	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
Tổng:					-56.00	-56.00	24

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TD	Ghi chú
1	Vàng Thị Thanh Hà	12A11	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
2	Trần Nhật Thiên Hoàng	12A11	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
3	Trần Nhật Thiên Hoàng	12A11	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
4	Nguyễn Đức Huy	12A11	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
5	Nguyễn Đức Huy	12A11	Không chấp hành kỷ luật	02/01/2024	-4.00	-4.00	
6	Nguyễn Đăng Khôi	12A11	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
7	Đinh Trọng Lộc	12A11	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
8	Phạm Hồng Mỹ	12A11	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
9	Võ Thị Mỹ Ngọc	12A11	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
10	Võ Nhật Phong	12A11	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
11	Ngô Gia Quyên	12A11	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
12	Hồ Phước Tài	12A11	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
13	Nguyễn Lê Anh Thư	12A11	Quần áo không đúng quy định	04/01/2024	-2.00	-2.00	
Tổng:					-20.00	-20.00	13

, ngày 05 tháng 01 năm 2024

STT	Họ tên	Lớp	Vi phạm - Khen thưởng	Ngày	Điểm HK	Điểm TB	Ghi chú
1	Nguyễn Nhật Anh Duy	12A12	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
2	Nguyễn Lê Duy	12A12	Vắng có phép	03/01/2024	0.00	0.00	
3	Võ Thanh Huy	12A12	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
4	Phùng Phạm Phương Linh	12A12	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	04/01/2024	-4.00	-4.00	
5	Phùng Phạm Phương Linh	12A12	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
6	Nguyễn Ngọc Thảo My	12A12	Đi học trễ	29/12/2023	-2.00	-2.00	
7	Huỳnh Lê Kim Ngân	12A12	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
8	Nguyễn Thị Thúy Ngân	12A12	Vắng có phép	02/01/2024	0.00	0.00	
9	Nguyễn Thị Thúy Ngân	12A12	Vắng có phép	05/01/2024	0.00	0.00	
10	Phan Chế Quỳnh Như	12A12	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
11	Nguyễn Văn Phụng	12A12	Đi học trễ	05/01/2024	-2.00	-2.00	
12	Tsần Ngọc Phương	12A12	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
13	Trần Anh Thư	12A12	Đi học trễ	02/01/2024	-2.00	-2.00	
14	Trần Anh Thư	12A12	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
15	Nguyễn Ngọc Minh Thư	12A12	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
16	Lê Thị Minh Thư	12A12	Quần áo không đúng quy định	04/01/2024	-2.00	-2.00	
17	Nguyễn Phước Ngọc Thư	12A12	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	04/01/2024	-4.00	-4.00	
18	Nguyễn Trường Vũ	12A12	Đi học trễ	03/01/2024	-2.00	-2.00	
19	Nguyễn Trường Vũ	12A12	Vắng không phép buổi 1 (sáng)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
20	Nguyễn Trường Vũ	12A12	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	29/12/2023	-4.00	-4.00	
21	Nguyễn Trường Vũ	12A12	Vắng không phép buổi 2 (chiều)	05/01/2024	-4.00	-4.00	
22	Đặng Ngọc Như Ý	12A12	Vắng có phép	29/12/2023	0.00	0.00	
Tổng:					-38.00	-38.00	22

, ngày 05 tháng 01 năm 2024